

Số: 192/TTr-UBND

Phước Long, ngày 07 tháng 12 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thị xã Phước Long

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21 tháng 11 năm 2019;

Trên cơ sở nội dung tại Báo cáo số 419/BC-UBND ngày 07/12/2022 của UBND thị xã về Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2022 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023;

UBND thị xã trình Hội đồng nhân dân thị xã khóa IV – kỳ họp thứ sáu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 với một số nội dung chủ yếu như sau:

1. Đánh giá tình hình thực hiện năm 2022

1.1. Kết quả đạt được

Trong năm 2022, UBND thị xã đã bám sát vào Nghị quyết của cấp trên để chủ động, linh hoạt trong công tác điều hành phát triển KTXH trên địa bàn thị xã. Tuy ảnh hưởng của dịch Covid-19 cùng với giá cả thị trường tăng cao nhưng nhờ dư địa năm 2021 chuyển qua nên các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của thị xã có tăng trưởng nhất định; Tình hình dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn thị xã cơ bản được kiểm soát và có chiều hướng tích cực; Hoạt động sản xuất kinh doanh từng bước được phục hồi, thu ngân sách tăng trưởng khá; công tác quản lý điều hành chi ngân sách thực hiện theo đúng tiến độ dự toán đã được duyệt, đáp ứng đầy đủ và kịp thời các nhiệm vụ chi theo dự toán giao đầu năm, đảm bảo các chính sách an sinh xã hội, không để xảy ra tình trạng nợ đọng lương, phụ cấp, chế độ chính sách; lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã có nhiều cố gắng duy trì chất lượng dạy và học, đảm bảo nội dung chương trình trong điều kiện thích ứng, an toàn với dịch bệnh; các hoạt động chào mừng kỷ niệm 40 năm Ngày nhà giáo Việt Nam đã được các cấp, các ngành quan tâm, tạo khí thế phong trào thi đua sôi nổi trong toàn ngành giáo dục thị xã. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng chống dịch Covid-19 và phòng chống dịch sốt xuất huyết thực hiện tốt; các hoạt động văn hóa, thông tin tổ chức phù hợp diễn biến dịch; thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống cho các đối tượng chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội trong dịp Tết Nguyên đán; Quốc phòng, an ninh được đảm bảo; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định và giữ vững, giao quân đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch. Tổ chức thành công diễn tập khu vực phòng thủ thị xã năm 2022. Thực hiện chuyển đổi số, dịch vụ công trực tuyến đã đạt được những kết quả tốt, tỷ lệ 40%, đạt chỉ tiêu Nghị quyết giao.

1.2. Khó khăn, hạn chế

1.2.1. Khó khăn

- Do tình hình biến động giá cả thị trường, xăng dầu, hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng thiết yếu, nguyên vật liệu tăng cao, tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp gặp khó khăn, thời tiết diễn biến thất thường, sản lượng hạt điều, hạt tiêu giảm đã ảnh hưởng đến đến tốc độ khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội của thị xã.

- Tình hình biên chế giáo viên còn thiếu so với nhu cầu, diện tích đất một số trường không đảm bảo tiêu chí trường chuẩn.

1.2.2. Hạn chế

Trên các lĩnh vực, một số nhiệm vụ thực hiện đã có những chuyển biến tích cực, tuy nhiên do yêu cầu đặt ra ngày càng cao nên chưa đáp ứng.

- Công tác giải ngân vốn đầu tư XDCHB đạt tỷ lệ thấp (đạt 64,53% kế hoạch vốn tỉnh giao nhưng so với kế hoạch vốn đầu năm tỷ lệ giải ngân đạt 72,44%), tiến độ thi công các công trình chậm.

- Trong chấm điểm cải cách hành chính năm 2021 (công bố năm 2022) vẫn còn một số tiêu chí thành phần đạt điểm chưa cao.

- Lĩnh vực an ninh trật tự, tuy số vụ vi phạm pháp luật về trật tự xã hội giảm so với năm 2021 nhưng vi phạm pháp luật về lĩnh vực môi trường còn xảy ra nhiều; tai nạn giao thông, các vụ cháy tăng hơn năm 2021.

1.3. Nguyên nhân của hạn chế

1.3.1. Nguyên nhân khách quan

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, giá xăng dầu tăng cao làm tác động đến giá cước vận chuyển, giá nhân công, giá vật tư, nguyên nhiên vật liệu trên thị trường tăng cao. Bên cạnh đó, do bổ sung nguồn vốn đầu tư giữa năm (tăng thêm 239,12 tỷ đồng) và gặp khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng đã ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình, từ đó ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân, tiến độ XDCHB chậm, một số nhiệm vụ chuyên môn thực hiện chậm tiến độ.

1.3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Tiến độ công trình và tiến độ giải ngân nguồn vốn đầu tư XDCHB chậm, đạt thấp bên cạnh nguyên nhân khách quan, có nguyên nhân chủ quan, cụ thể:

+ Công tác giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 còn bị động khi chuyển nguồn 51 tỷ vốn sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp môi trường sang vốn đầu tư; công tác chuẩn bị đầu tư còn lúng túng do bổ sung vốn giữa năm.

+ Do biến động nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2022: Giữa năm tỉnh giao tăng thêm 260 tỷ đồng tương ứng số vốn đầu tư tăng thêm 239,12 tỷ đồng. Để đảm bảo phân bổ hết vốn đầu tư được giao, UBND thị xã đã đề nghị bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 thêm 14 công trình.

+ Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện giải phóng mặt bằng ở một số cơ quan, đơn vị còn hạn chế, chưa phát huy hiệu quả trong tuyên truyền nên làm chậm tiến độ giải phóng mặt bằng.

+ Các dự án quy hoạch phát sinh về qui mô và thủ tục nên triển khai chậm.

+ Chính sách vận động nhân dân hiến đất mở đường gặp phải một số hộ dân không đồng tình (ở đầu tuyến).

- Công tác cải cách hành chính cơ bản thực hiện tốt, nhiều tiêu chí thị xã Phước Long đạt cao, tuy nhiên do một số đơn vị chưa đeo bám công việc, nên còn để xảy ra một số tiêu chí thành phần bị trừ điểm (Báo cáo chậm trễ, nhập số liệu chưa chính xác, giải quyết TTHC hồ sơ đã giải quyết xong, nhưng quên bấm kết thúc hồ sơ..).

- Số vụ tai nạn giao thông tăng nguyên nhân chủ yếu là do điều khiển phương tiện không chú ý quan sát và đi sai phần đường, làn đường; lực lượng Công an thị xã tăng cường công tác kiểm tra phát hiện và xử lý các vụ vi phạm về môi trường; bên cạnh đó ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận người dân chưa cao.

2. Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 (có hệ thống chỉ tiêu kèm theo).

2.1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã. Phấn đấu đưa thị xã Phước Long trở thành trung tâm kinh tế, thương mại, dịch vụ của khu vực phía Bắc tỉnh Bình Phước. Khẳng định kinh tế công nghiệp - thương nghiệp - dịch vụ là chủ lực của nền kinh tế, phát triển công nghiệp song song với đẩy mạnh phát triển thương mại - dịch vụ và hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội và môi trường. Tập trung mọi nguồn lực để đầu tư phát triển, nâng cao chất lượng đầu tư phát triển hạ tầng đô thị đồng bộ. Khai thác tốt các nguồn thu, đảm bảo tăng thu ngân sách và chi ngân sách hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm.

Gắn việc phát triển kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, cụ thể:

- Nâng cao chất lượng hoạt động của các ngành giáo dục, văn hóa thông tin - TDTT, y tế, ..., nâng cao dân trí và đảm bảo đáp ứng đời sống vật chất tinh thần của nhân dân.

- Thực hiện tốt chính sách người có công, công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm cho người lao động và các mục tiêu an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

- Giải quyết tốt và hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc; xây dựng và củng cố hệ thống chính trị vững mạnh, giữ vững ổn định chính trị, kỷ cương, trật tự an toàn xã hội. Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc, khai thác tốt nội lực, tranh thủ có hiệu quả ngoại lực để xây dựng và phát triển.

- Chú trọng bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, dịch bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu.

2.2. Các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2023

2.1. Các chỉ tiêu về kinh tế

(1) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội: 2.250 tỷ đồng.

(2) Giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng tăng 17,1%; Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp - thủy sản tăng 4,8%; Thương mại dịch vụ tăng 9% trở lên so với năm 2022.

(3) Thu nhập bình quân đầu người đạt 108 triệu đồng/người.

(4) Thu ngân sách (loại trừ các khoản thu về đất và các khoản thu phát sinh đột biến, phần thu cân đối tăng 11%/năm) 263,905 tỷ đồng.

(5) Phát triển trên 100 doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh trở lên.

2.2. Các chỉ tiêu về văn hóa - xã hội và môi trường

(1) Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%.

(2) Số bác sỹ/10.000 dân: 9,7 bác sỹ; Số giường bệnh/10.000 dân: 45 giường; Số xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế là 100%; trẻ em được tiêm chủng 100%; Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi còn 4,2%.

(3) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế 93%.

(4) Tỷ lệ hộ nghèo tiếp cận đa chiều đến cuối năm: 0,12%.

(5) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: 16/23 trường đạt chuẩn.

(6) Tỷ lệ khu dân cư văn hóa đạt và giữ vững danh hiệu là 95%; Tỷ lệ hộ gia đình đạt “gia đình văn hóa” và giữ vững danh hiệu đạt 95%.

(7) Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới 100%; Tỷ lệ phường đạt văn minh đô thị 100%; Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa 100%.

(8) Giải quyết việc làm cho 3.600 lao động; Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 71%.

(9) Tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến đạt mức 4 là 50%.

2.2.3. Hệ thống các chỉ tiêu kinh tế, xã hội

(Có biểu mẫu kèm theo).

3. Nhiệm vụ, giải pháp

3.1. Kinh tế, sản xuất

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh, nhất là cơ sở hợp tác xã trong ngành nông nghiệp nhằm đưa giá trị sản xuất nông nghiệp, công nghiệp tăng trưởng theo đúng nghị quyết của HĐND thị xã. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật của các tổ chức và cá nhân trong quá trình sản xuất kinh doanh. Tăng cường kiểm tra hoạt động buôn bán hàng hóa, gian lận thương mại, hàng nhập lậu, hàng không đủ tiêu chuẩn, không niêm yết giá trên địa bàn thị xã.

- Thực hiện tốt công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; công tác phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng và vật nuôi.

- Thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới và một số nội dung theo yêu cầu của tỉnh để công nhận xã Long Giang là xã nông thôn mới nâng cao.

- Tập trung thực hiện tốt công tác thu, chi ngân sách theo dự toán năm 2022, phân đầu thu đúng, thu đủ, khai thác hết các nguồn thu.

- Đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành các nhiệm vụ quy hoạch đã được phê duyệt. Thường xuyên kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm về trật tự đô thị.

- Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về đất đai, đặc biệt là công tác kiểm tra, rà soát cấm mốc quản lý quỹ đất công trên địa bàn thị xã. Thực hiện kịp thời công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức và cá nhân đủ điều kiện; giải quyết đơn kiến nghị, khiếu nại tranh chấp đất đai theo đúng quy định.

- Tăng cường công tác theo dõi, chỉ đạo thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai, phòng chống dịch bệnh trên gia súc gia cầm trên địa bàn.

- Đẩy nhanh tiến độ thi công, giải ngân vốn đầu tư công đối với các công trình xây dựng cơ bản theo đúng kế hoạch đề ra.

3.2. Văn hóa xã hội

- Tiếp tục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông, trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục và chuẩn quốc gia. Chỉ đạo các trường đảm bảo công tác vệ sinh môi trường, thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về y tế trên địa bàn; chú trọng công tác đảm bảo an toàn thực phẩm, tổ chức kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật trong lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống; Tiếp tục chỉ đạo, theo dõi, giám sát tình hình dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn thị xã.

- Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 48 năm Ngày giải phóng Phước Long (06/01/2023); tuyên truyền các sự kiện, ngày lễ lớn diễn ra trong năm 2023. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, quản lý Nhà nước về văn hóa thông tin trên địa bàn, đảm bảo công tác quản lý các loại hình kinh doanh dịch vụ công cộng, đặc biệt là đại lý kinh doanh dịch vụ trò chơi điện tử, internet; quản lý các đơn vị lắp đặt quảng cáo, biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn theo đúng quy định.

- Tiếp tục thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ cho các đối tượng chính sách, bảo trợ xã hội, công tác dân tộc; thực hiện tốt công tác giải quyết việc làm, giảm nghèo theo kế hoạch.

- Ban hành kế hoạch năm và triển khai thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn thị xã.

3.3. Công tác Nội chính – Quốc phòng an ninh

- Tiếp tục triển khai các giải pháp phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, tăng cường tuần tra kiểm soát đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Tăng cường công tác nắm tình hình, kịp thời phát hiện mọi hoạt động lợi dụng dân chủ nhân quyền để chống phá của các thế lực thù địch; kịp thời xử lý các hoạt động vi phạm liên quan đến tôn giáo. Các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tăng cường tuyên truyền, vận động các hộ dân khiếu kiện chấp hành chủ trương, phương án hỗ trợ của Nhà nước; kịp thời xử lý tình huống phát sinh,

không để xảy ra “điểm nóng” trên địa bàn; Công tác giao quân đạt 100% chỉ tiêu giao.

- Tiếp tục triển khai các giải pháp phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, tăng cường tuần tra kiểm soát đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn.

- Triển khai thực hiện chương trình kế hoạch công tác thanh tra, tư pháp năm 2023, thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo.

- Thực hiện tốt công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức; kịp thời khen thưởng và nhân rộng điển hình các tập thể, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao; quản lý tốt hoạt động của các tổ chức tôn giáo và giải quyết các nhu cầu tôn giáo phát sinh đúng quy định của pháp luật.

- Công tác cải cách hành chính: Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao uy tín và chất lượng phục vụ của các cơ quan nhà nước đối với nhân dân, tổ chức, doanh nghiệp; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ phận một cửa điện tử của thị xã và xã, phường. Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch xây dựng chính quyền điện tử, đô thị thông minh và nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4, số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính; tổ chức tập huấn, khai thác, sử dụng có hiệu quả Trung tâm điều hành IOC.

- Thực hiện tốt công tác quản lý, điều động, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức theo đúng quy định; kịp thời khen thưởng và nhân rộng điển hình các tập thể, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao; quản lý tốt hoạt động của các tổ chức tôn giáo và giải quyết các nhu cầu tôn giáo phát sinh đúng quy định của pháp luật.

- Tập trung tổ chức thi hành án dân sự đúng trình tự, thủ tục, rà soát, phân loại án chính xác về việc, về tiền có điều kiện và chưa có điều kiện thi hành. Tập trung giải quyết đối với các vụ việc có điều kiện thi hành, phân đấu hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao năm 2023.

UBND thị xã kính trình HĐND thị xã xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- TTTU;
- CT, PCT UBND thị xã;
- Thành viên UBND thị xã;
- Ban KTXH, Ban Pháp chế;
- Đại biểu HĐND thị xã;
- Phòng TC-KH; KBNN Phước Long;
- UBND các xã, phường;
- LĐVP, CVVP;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Việt Hoàng



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, NÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số 192/TTr-UBND ngày 07/12/2022 của UBND thị xã)

[illegible]

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Trong đó						
					Phường Long Thủy	Phường Thác Mơ	Phường Sơn Giang	Phường Long Phước	Phường Phước Bình	Xã Long Giang	Xã Phước Tín
	+ Tổng mức bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	7.350,0	8.058,6							
	+ Doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	686,2	690,0							
4	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	723,462	263,905	1,7	2,27	2,62	9,055	1,358	0,75	1,127
5	Tổng chi ngân sách	Tỷ đồng	888,885	404,784	6,43	6,28	6,53	10,617	5,884	5,622	5,983
6	Số xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới	Xã	-								

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP, CÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số 192/TTr-UBND ngày 7 / 12 /2022 của UBND thị xã)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Trong đó						
					Phường Long Thủy	Phường Thác Mơ	Phường Sơn Giang	Phường Long Phước	Phường Phước Bình	Xã Long Giang	Xã Phước Tín
A	NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN	HA									
1	Tổng giá trị sản xuất (Theo giá cố định 2010)	Tỷ đồng	830,548	870,000							
a)	Nông nghiệp:	Tỷ đồng	824,963	864,634							
	- Trồng trọt	Tỷ đồng	734,747	771,745							
	- Chăn nuôi	Tỷ đồng	88,645	92,317							
b)	Lâm nghiệp:	Tỷ đồng	0,285	0,252							
c)	Thủy sản:	Tỷ đồng	5,300	5,147							
	- Nuôi trồng	Tỷ đồng	3,254	3,098							
	- Khai thác	Tỷ đồng	2,046	2,049							
	- Sản lượng	Tấn	140,100	134,490							
2	Năng suất, sản lượng một số cây trồng chủ yếu										
2.1	Cây hằng năm										
a	Lúa	Ha	93,3	92		2	71		10,30	0,70	8
	- Năng suất	Tạ/ha	38,65	39,22		38,35	39,15		39,43	38,43	39,84
	- Sản lượng	Tấn	360,64	360,79		7,67	277,95		40,61	2,69	31,87

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Trong đó						
					Phường Long Thủy	Phường Thác Mơ	Phường Sơn Giang	Phường Long Phước	Phường Phước Bình	Xã Long Giang	Xã Phước Tín
b	Bấp	Ha	5,2	7			5,9	1			
	- Năng suất	Tạ/ha	41,885	46,70			47,61	46			
	- Sản lượng	Tấn	32,67	32,69			28,09	4,6			
2.2	Cây lâu năm	Ha									
	Cây công nghiệp										
a	Cao su										
	Tổng diện tích	Ha	1.855,7	1.855,70	15,0	197,0	123,2	222,0	584,5	319,0	395,0
	Diện tích trồng mới	Ha	0,5	0,00	0	0	0	0	0	0,0	0
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	1.824,7	1.824,7	15	187	123,2	222	584,5	317	376
	Năng suất	Tạ/ha	19,94	19,96	20,01	19,63	19,48	19,66	20,70	19,50	19,69
	Sản lượng (mủ khô)	Tấn	3.639,090	3.642,09	30,02	367,15	240,00	436,36	1209,91	618,15	740,50
b	Cây điều										
	Tổng diện tích	Ha	5.109,4	5.099,40	169,50	265,00	559,90	560,00	488,00	1.728,00	1.329,00
	Diện tích trồng mới	Ha	13,9		2,00	0,00	4,90	0,00	0,00	2,00	5,00
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	5.083,5	5.073,50	167,50	265,00	555,00	560,00	476,00	1.726,00	1.324,00
	Năng suất	Tạ/ha	13,36	16,32	15,20	16,50	15,50	17,20	16,50	16,69	15,85
	Sản lượng	Tấn	791,813	8.279,22	254,60	437,25	860,25	963,20	785,40	2.880,64	2.097,88
c	Cây tiêu										
	Tổng diện tích	Ha	68,00	67,00	4,00	16,00	6,00	11,00	3,00	4,00	23,00
	Diện tích trồng mới	Ha	-	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	63,00	62,00	4,00	11,00	6,00	11,00	3,00	4,00	23,00

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Trong đó						
					Phường Long Thủy	Phường Thác Mơ	Phường Sơn Giang	Phường Long Phước	Phường Phước Bình	Xã Long Giang	Xã Phước Tín
	Năng suất	Tạ/ha	21,92	22,48	22,75	22,69	22,88	22,23	21,67	22,38	22,47
	Sản lượng	Tấn	138,07	139,37	9,10	24,96	13,73	24,45	6,50	8,95	51,68
d	Cà phê										
	Tổng diện tích	Ha	260,7	260,70	3,20	64,00	6,00	25,00	2,00	10,00	150,50
	Diện tích trồng mới	Ha	-	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	260,7	260,70	3,20	64,00	6,00	25,00	2,00	10,00	150,50
	Năng suất (nhân)	Tạ/ha	18,9	21,78	22,03	21,79	21,82	19,59	23,25	20,45	22,21
	Sản lượng	Tấn	542,1	567,89	7,05	139,48	13,09	48,98	4,65	20,45	334,19
	Cây ăn quả										
a	Sầu riêng										
	Tổng diện tích	Ha	241,0	251,00	0,30	42,00	2,40	2,00	3,00	7,30	194,00
	Diện tích trồng mới	Ha	54,0	64,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	64,00
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	152,0	179,00	0,30	42,00	2,40	2,00	1,00	3,30	128,00
	Năng suất	Tạ/ha	188,21	172,23	170,00	171,74	170,02	169,10	168,60	169,30	172,59
	Sản lượng	Tấn	860,839	3.082,97	5,10	721,32	40,80	33,82	16,86	55,87	2.209,19
b	Quýt										
	Tổng diện tích	Ha	8,7	8,70	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,70	8,00
	Diện tích trồng mới	Ha									
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	5,0	5,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	5,00
	Năng suất	Tạ/ha	51,8	51,90							51,90
	Sản lượng	Tấn	25,9	25,95	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	25,95



[illegible]

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Trong đó						
					Phường Long Thủy	Phường Thác Mơ	Phường Sơn Giang	Phường Long Phước	Phường Phước Bình	Xã Long Giang	Xã Phước Tín
1	Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá so sánh năm 2010	Tỷ đồng	27.549,4	32.268,984							
	- Công nghiệp khai khoáng	Tỷ đồng	40,5	68,83							
	- Công nghiệp chế biến, chế tạo	Tỷ đồng	27.183,7	31.847,47							
	- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước	Tỷ đồng	325,2	352,68							
	- Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải	Tỷ đồng									
2	Một số sản phẩm chủ yếu:										
	- Hạt điều nhân	Tấn	290.422,3	339.676,4							
	- Tinh bột mỳ, bột dong riêng	Tấn									
	- Đá xây dựng các loại	1000 m ³	173,857	295,557							
	- Gạch nung các loại	1000 viên									
	- Xi măng	Tấn									
	- Clinker	Tấn									
	- Điện sản xuất	Triệu Kwh	762,300	643,006							
	- ...										
C	GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NGÀNH XÂY DỰNG		1.061,5	1.170,41							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Trong đó						
					Phường Long Thủy	Phường Thác Mơ	Phường Sơn Giang	Phường Long Phước	Phường Phước Bình	Xã Long Giang	Xã Phước Tín
D	DỊCH VỤ										
	- Tổng mức bán lẻ hàng hoá (giá hiện hành)	Tỷ đồng	7.350,0	8.058,6							
	- Doanh thu ngành dịch vụ (giá hiện hành)	Tỷ đồng	1.309,7	1.380,0							
E	PHÁT TRIỂN HỘ KINH DOANH, HỢP TÁC XÃ										
	- Hộ kinh doanh										
	+ Số hộ kinh doanh đăng ký thành lập mới	Hộ	900	800							
	+ Tổng số vốn đăng ký thành lập mới	Tỷ đồng	452	410							
	+ Tổng số hộ kinh doanh trên địa bàn	Hộ	1.629	1.900							
	+ Tổng số vốn của hộ kinh doanh hoạt động trên địa bàn	Tỷ đồng									
	- HỢP TÁC XÃ										
1	Tổng số hợp tác xã	HTX	12	13							
	<i>Trong đó: thành lập mới</i>	<i>HTX</i>									
	<i>Số hợp tác xã thành lập mới</i>	<i>HTX</i>	1	1							
	<i>Số hợp tác xã giải thể</i>	<i>HTX</i>	2	2							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Trong đó						
					Phường Long Thủy	Phường Thác Mơ	Phường Sơn Giang	Phường Long Phước	Phường Phước Bình	Xã Long Giang	Xã Phước Tín
2	Tổng số thành viên hợp tác xã	Người	3.325	3.335							
3	Tổng số lao động trong hợp tác xã	Người									
	<i>Trong đó: Số lao động là thành viên hợp tác xã</i>										
II	Tổ hợp tác										
1	Tổng số tổ hợp tác	Tổ hợp tác	8	10							
	Trong đó: Số tổ hợp tác đăng ký chứng thực	Tổ hợp tác									
2	Tổng số thành viên tổ hợp tác	Thành viên	40	46							

KẾ HOẠCH VĂN HÓA XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số 192/TTr-UBND ngày 7 / 12 /2022 của UBND thị xã)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện 2022	Kế hoạch năm 2023
1	Dân số			
	- Dân số trung bình	Người	55.360	55.658
	- Tỷ lệ giới tính khi sinh (số bé trai so với 100 bé gái)	Trai/100 gái	104/100	104/100
	- Tuổi thọ trung bình	Tuổi	74	74
2	Lao động việc làm			
	- Tổng số lao động đang làm việc (được giải quyết việc làm mới trong năm)	Người	3.872	3.600
	- Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%	70,8	71
3	An sinh xã hội			
	- Số hộ nghèo đầu năm	Hộ	56	33
	- Số hộ thoát khỏi đói nghèo trong năm	Hộ	23	15
	- Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm	%	0,23	0,12
4	Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân			
	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	92	93
	Số người tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc	Người	3.424	3.557
	Số giường bệnh/ 1 vạn dân (không tính giường của trạm y tế)	Giường	45	45
	Số bác sỹ/1 vạn dân	Bác sỹ	9,5	9,7
	Tỷ lệ trạm y tế xã phường có bác sỹ làm việc	%	42,86	42,86
	Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chí quốc gia về y tế (theo chuẩn mới)	%	100	100
	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm chủng	%	100	100
	Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi (cân nặng theo tuổi)	%	4,3	4,2
	Số xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em	Xã, phường	7	7
	Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em	%	100	100
5	Giáo dục và đào tạo			
	- Số trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	13	16



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện 2022	Kế hoạch năm 2023
	- Tổng số học sinh đầu năm học	Học sinh		
	+ Mẫu giáo	Học sinh	2.952	3.020
	+ Tiểu học	Học sinh	7.258	7.392
	+ Trung học cơ sở	Học sinh	4.405	4.730
	+ Trung học phổ thông	Học sinh		
	- Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	76	76,5
	- Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi:	%		
	+ Tiểu học	%	94,79	94
	+ Trung học cơ sở	%	93	92,5
	+ Trung học phổ thông	%		
6	Khoa học và công nghệ			
	- Số đề tài khoa học công nghệ được ứng dụng	Đề tài	0	1
	- Tỷ lệ đề tài khoa học công nghệ được ứng dụng thành công	%	0	100
7	Văn hóa, thể dục thể thao			
7.1	Tỷ lệ khu dân cư văn hóa	%	93	95
7.2	Tỷ lệ hộ gia đình văn hóa	%	97,2	95
7.3	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	%	100	100
7.4	Hoạt động thể thao quần chúng	%		
	- Số người thường xuyên tập thể dục	%	19.000	19.500
7.5	Thể thao thành tích cao			
	- Đào tạo VĐV năng khiếu ban đầu	%	80	80
7.6	Đời sống văn hóa, nghệ thuật	CLB	17	17
8	Thu nhập bình quân đầu người	triệu đồng/ người	103,3	108
9	Tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến	%	40	50

Số: /NQ-HĐND

Phước Long, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG
KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân thị xã tại Tờ trình số 192/TTr-UBND ngày 07/12/2022; Báo cáo thẩm tra số 28/BC-HĐND ngày 19/12/2022 của Ban Kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân thị xã và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 với các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu trong báo cáo của Ủy ban nhân dân thị xã. Trong đó, nhấn mạnh một số nội dung chủ yếu như sau:

1. Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 (có hệ thống chỉ tiêu kèm theo).

1.1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã. Phấn đấu đưa thị xã Phước Long trở thành trung tâm kinh tế, thương mại, dịch vụ của khu vực phía Bắc tỉnh Bình Phước. Khẳng định kinh tế công nghiệp - thương nghiệp - dịch vụ là chủ lực của nền kinh tế, phát triển công nghiệp song song với đẩy mạnh phát triển thương mại - dịch vụ và hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội và môi trường. Tập trung mọi nguồn lực để đầu tư phát triển, nâng cao chất lượng đầu tư phát triển hạ tầng đô thị đồng bộ. Khai thác tốt các nguồn thu, đảm bảo tăng thu ngân sách và chi ngân sách hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm.

Gắn việc phát triển kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, cụ thể:

- Nâng cao chất lượng hoạt động của các ngành giáo dục, văn hóa thông tin - TDTT, y tế, ..., nâng cao dân trí và đảm bảo đáp ứng đời sống vật chất tinh thần của nhân dân.

- Thực hiện tốt chính sách người có công, công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm cho người lao động và các mục tiêu an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

- Giải quyết tốt và hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc; xây dựng và củng cố hệ thống chính trị vững mạnh, giữ vững ổn định chính trị, kỷ cương, trật tự an toàn xã hội. Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc, khai thác tốt nội lực, tranh thủ có hiệu quả ngoại lực để xây dựng và phát triển.

- Chú trọng bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, dịch bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu.

1.2. Các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2023

1.2.1. Các chỉ tiêu về kinh tế

- (1) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội: 2.250 tỷ đồng.
- (2) Giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng tăng 17,1%; Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp - thủy sản tăng 4,8%; Thương mại dịch vụ tăng 9% trở lên so với năm 2022.
- (3) Thu nhập bình quân đầu người đạt 108 triệu đồng/người.
- (4) Thu ngân sách (loại trừ các khoản thu về đất và các khoản thu phát sinh đột biến, phần thu cân đối tăng 11%/năm) 263,905 tỷ đồng.
- (5) Phát triển trên 100 doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh trở lên.

1.2.2. Các chỉ tiêu về văn hóa - xã hội và môi trường

- (1) Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%.
- (2) Số bác sỹ/10.000 dân: 9,7 bác sỹ; Số giường bệnh/10.000 dân: 45 giường; Số xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế là 100%; trẻ em được tiêm chủng 100%; Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi còn 4,2%.
- (3) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế 93%.
- (4) Tỷ lệ hộ nghèo tiếp cận đa chiều đến cuối năm: 0,12%.
- (5) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: 16/23 trường đạt chuẩn.
- (6) Tỷ lệ khu dân cư văn hóa đạt và giữ vững danh hiệu là 95%; Tỷ lệ hộ gia đình đạt “gia đình văn hóa” và giữ vững danh hiệu đạt 95%.
- (7) Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới 100%; Tỷ lệ phường đạt văn minh đô thị 100%; Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa 100%.
- (8) Giải quyết việc làm cho 3.600 lao động; Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 71%.
- (9) Tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến đạt mức 4 là 50%.

1.2.3. Hệ thống các chỉ tiêu kinh tế, xã hội

(Có biểu mẫu kèm theo).

2. Nhiệm vụ, giải pháp

2.1. Kinh tế, sản xuất

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh, nhất là cơ sở hợp tác xã trong ngành nông nghiệp nhằm đưa giá trị sản xuất nông nghiệp, công nghiệp tăng trưởng theo đúng nghị quyết của HĐND thị xã. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật của các tổ chức và cá nhân trong quá trình sản xuất kinh doanh. Tăng cường kiểm tra hoạt động buôn bán hàng hóa, gian lận thương mại, hàng nhập lậu, hàng không đủ tiêu chuẩn, không niêm yết giá trên địa bàn thị xã.

- Tăng cường công tác theo dõi, chỉ đạo thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; công tác phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng và vật nuôi.

- Thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới và một số nội dung theo yêu cầu của tỉnh để công nhận xã Long Giang là xã nông thôn mới nâng cao.

- Tập trung thực hiện tốt công tác thu, chi ngân sách theo dự toán năm 2023, phân đầu thu đúng, thu đủ, khai thác hết các nguồn thu.

- Đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành các nhiệm vụ quy hoạch đã được phê duyệt. Thường xuyên kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm về trật tự đô thị.

- Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về đất đai, đặc biệt là công tác kiểm tra, rà soát cấm mốc quản lý quỹ đất công trên địa bàn thị xã. Thực hiện kịp thời công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức và cá nhân đủ điều kiện; giải quyết đơn kiến nghị, khiếu nại tranh chấp đất đai theo đúng quy định.

- Đẩy nhanh tiến độ thi công, giải ngân vốn đầu tư công đối với các công trình xây dựng cơ bản theo đúng kế hoạch đề ra.

2.2. Văn hóa xã hội

- Tiếp tục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông, trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục và chuẩn quốc gia. Chỉ đạo các trường đảm bảo công tác vệ sinh môi trường, thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về y tế trên địa bàn; chú trọng công tác đảm bảo an toàn thực phẩm, tổ chức kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật trong lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống; Tiếp tục chỉ đạo, theo dõi, giám sát tình hình dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn thị xã.

- Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 48 năm Ngày giải phóng Phước Long (06/01/2023); tuyên truyền các sự kiện, ngày lễ lớn diễn ra trong năm 2023. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, quản lý Nhà nước về văn hóa thông tin trên địa bàn, đảm bảo công tác quản lý các loại hình kinh doanh dịch vụ công cộng, đặc biệt là đại lý kinh doanh dịch vụ trò chơi điện tử, internet; quản lý các đơn vị lắp đặt quảng cáo, biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn theo đúng quy định.

- Tiếp tục thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ cho các đối tượng chính sách, bảo trợ xã hội, công tác dân tộc; thực hiện tốt công tác giải quyết việc làm, giảm nghèo theo kế hoạch.

- Ban hành kế hoạch năm và triển khai thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn thị xã.

2.3. Công tác Nội chính – Quốc phòng an ninh

- Tiếp tục triển khai các giải pháp phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, tăng cường tuần tra kiểm soát đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Tăng cường công tác nắm tình hình, kịp thời phát hiện mọi hoạt động lợi dụng dân chủ nhân quyền để chống phá của các thế lực thù địch; kịp thời xử lý các hoạt động vi phạm liên quan đến tôn giáo. Các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tăng cường tuyên truyền, vận động các hộ dân khiếu kiện chấp hành chủ trương, phương án hỗ trợ của Nhà nước; kịp thời xử lý tình huống phát sinh, không để xảy ra “điểm nóng” trên địa bàn; Công tác giao quân đạt 100% chỉ tiêu giao.

- Tiếp tục triển khai các giải pháp phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, tăng cường tuần tra kiểm soát đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn.

- Triển khai thực hiện chương trình kế hoạch công tác thanh tra, tư pháp năm 2023, thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo.

- Thực hiện tốt công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức; kịp thời khen thưởng và nhân rộng điển hình các tập thể, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao; quản lý tốt hoạt động của các tổ chức tôn giáo và giải quyết các nhu cầu tôn giáo phát sinh đúng quy định của pháp luật.

- Công tác cải cách hành chính: Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao uy tín và chất lượng phục vụ của các cơ quan nhà nước đối với nhân dân, tổ chức, doanh nghiệp; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ phận một cửa điện tử của thị xã và xã, phường. Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch xây dựng chính quyền điện tử, đô thị thông minh và nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4, số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính; tổ chức tập huấn, khai thác, sử dụng có hiệu quả Trung tâm điều hành IOC.

- Thực hiện tốt công tác quản lý, điều động, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức theo đúng quy định; kịp thời khen thưởng và nhân rộng điển hình các tập thể, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao; quản lý tốt hoạt động của các tổ chức tôn giáo và giải quyết các nhu cầu tôn giáo phát sinh đúng quy định của pháp luật.

- Tập trung tổ chức thi hành án dân sự đúng trình tự, thủ tục, rà soát, phân loại án chính xác về việc, về tiền có điều kiện và chưa có điều kiện thi hành. Tập trung giải quyết đối với các vụ việc có điều kiện thi hành, phần đầu hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao năm 2023.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thị xã tổ chức triển khai thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã, hai Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã khoá IV giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thị xã Phước Long khóa IV, kỳ họp thứ 7, thông qua ngày 27 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND, UBND tỉnh;
- ĐB HĐND tỉnh khu vực thị xã;
- TT TU, HĐND, UBND, UBMTTQ VN thị xã;
- 02 Ban và ĐB HĐND, TV UBND thị xã;
- CQ, BN, ĐT thị xã;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- LĐVP, CVVP;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Lê Thanh Sơn

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, NÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2022 của HĐND thị xã)

[illegible]

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Trong đó						
					Phường Long Thủy	Phường Thác Mơ	Phường Sơn Giang	Phường Long Phước	Phường Phước Bình	Xã Long Giang	Xã Phước Tín
	+ Tổng mức bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	7.350,0	8.058,6							
	+ Doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	686,2	690,0							
4	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	723,462	263,905	1,7	2,27	2,62	9,055	1,358	0,75	1,127
5	Tổng chi ngân sách	Tỷ đồng	888,89	404,84	6,43	6,28	6,53	10,617	5,884	5,622	5,983
6	Số xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới	Xã	-								

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP, CÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /2022 của HĐND thị xã)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Trong đó						
					Phường Long Thủy	Phường Thác Mơ	Phường Sơn Giang	Phường Long Phước	Phường Phước Bình	Xã Long Giang	Xã Phước Tín
A	NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN	HA									
1	Tổng giá trị sản xuất (Theo giá cố định 2010)	Tỷ đồng	830,548	870,000							
a)	Nông nghiệp:	Tỷ đồng	824,963	864,634							
	- Trồng trọt	Tỷ đồng	734,747	771,745							
	- Chăn nuôi	Tỷ đồng	88,645	92,317							
b)	Lâm nghiệp:	Tỷ đồng	0,285	0,252							
c)	Thủy sản:	Tỷ đồng	5,300	5,147							
	- Nuôi trồng	Tỷ đồng	3,254	3,098							
	- Khai thác	Tỷ đồng	2,046	2,049							
	- Sản lượng	Tấn	140,100	134,490							
2	Năng suất, sản lượng một số cây trồng chủ yếu										
2.1	Cây hằng năm										
a	Lúa	Ha	93,3	92		2	71		10,30	0,70	8
	- Năng suất	Tạ/ha	38,65	39,22		38,35	39,15		39,43	38,43	39,84
	- Sản lượng	Tấn	360,64	360,79		7,67	277,95		40,61	2,69	31,87

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Trong đó						
					Phường Long Thủy	Phường Thác Mơ	Phường Sơn Giang	Phường Long Phước	Phường Phước Bình	Xã Long Giang	Xã Phước Tín
b	Bấp	Ha	5,2	7			5,9	1			
	- Năng suất	Tạ/ha	41,885	46,70			47,61	46			
	- Sản lượng	Tấn	32,67	32,69			28,09	4,6			
2.2	Cây lâu năm	Ha									
	Cây công nghiệp										
a	Cao su										
	Tổng diện tích	Ha	1.855,7	1.855,70	15,0	197,0	123,2	222,0	584,5	319,0	395,0
	Diện tích trồng mới	Ha	0,5	0,00	0	0	0	0	0	0,0	0
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	1.824,7	1.824,7	15	187	123,2	222	584,5	317	376
	Năng suất	Tạ/ha	19,94	19,96	20,01	19,63	19,48	19,66	20,70	19,50	19,69
	Sản lượng (mủ khô)	Tấn	3.639,090	3.642,09	30,02	367,15	240,00	436,36	1209,91	618,15	740,50
b	Cây điều										
	Tổng diện tích	Ha	5.109,4	5.099,40	169,50	265,00	559,90	560,00	488,00	1.728,00	1.329,00
	Diện tích trồng mới	Ha	13,9		2,00	0,00	4,90	0,00	0,00	2,00	5,00
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	5.083,5	5.073,50	167,50	265,00	555,00	560,00	476,00	1.726,00	1.324,00
	Năng suất	Tạ/ha	13,36	16,32	15,20	16,50	15,50	17,20	16,50	16,69	15,85
	Sản lượng	Tấn	791,813	8.279,22	254,60	437,25	860,25	963,20	785,40	2.880,64	2.097,88
c	Cây tiêu										
	Tổng diện tích	Ha	68,00	67,00	4,00	16,00	6,00	11,00	3,00	4,00	23,00
	Diện tích trồng mới	Ha	-	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	63,00	62,00	4,00	11,00	6,00	11,00	3,00	4,00	23,00

[illegible]

[illegible]

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Trong đó						
					Phường Long Thủy	Phường Thác Mơ	Phường Sơn Giang	Phường Long Phước	Phường Phước Bình	Xã Long Giang	Xã Phước Tín
1	Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá so sánh năm 2010	Tỷ đồng	27.549,4	32.268,984							
	- Công nghiệp khai khoáng	Tỷ đồng	40,5	68,83							
	- Công nghiệp chế biến, chế tạo	Tỷ đồng	27.183,7	31.847,47							
	- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước	Tỷ đồng	325,2	352,68							
	- Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải	Tỷ đồng									
2	Một số sản phẩm chủ yếu:										
	- Hạt điều nhân	Tấn	290.422,3	339.676,4							
	- Tinh bột mỳ, bột dong riềng	Tấn									
	- Đá xây dựng các loại	1000 m ³	173,857	295,557							
	- Gạch nung các loại	1000 viên									
	- Xi măng	Tấn									
	- Clinker	Tấn									
	- Điện sản xuất	Triệu Kwh	762,300	643,006							
	- ...										
C	GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NGÀNH XÂY DỰNG		1.061,5	1.170,41							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Trong đó						
					Phường Long Thủy	Phường Thác Mơ	Phường Sơn Giang	Phường Long Phước	Phường Phước Bình	Xã Long Giang	Xã Phước Tín
D	DỊCH VỤ										
	- Tổng mức bán lẻ hàng hoá (giá hiện hành)	Tỷ đồng	7.350,0	8.058,6							
	- Doanh thu ngành dịch vụ (giá hiện hành)	Tỷ đồng	1.309,7	1.380,0							
E	PHÁT TRIỂN HỘ KINH DOANH, HỢP TÁC XÃ										
	- Hộ kinh doanh										
	+ Số hộ kinh doanh đăng ký thành lập mới	Hộ	900	800							
	+ Tổng số vốn đăng ký thành lập mới	Tỷ đồng	452	410							
	+ Tổng số hộ kinh doanh trên địa bàn	Hộ	1.629	1.900							
	+ Tổng số vốn của hộ kinh doanh hoạt động trên địa bàn	Tỷ đồng									
	- HỢP TÁC XÃ										
1	Tổng số hợp tác xã	HTX	12	13							
	<i>Trong đó: thành lập mới</i>	<i>HTX</i>									
	<i>Số hợp tác xã thành lập mới</i>	<i>HTX</i>	1	1							
	<i>Số hợp tác xã giải thể</i>	<i>HTX</i>	2	2							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Trong đó						
					Phường Long Thủy	Phường Thác Mơ	Phường Sơn Giang	Phường Long Phước	Phường Phước Bình	Xã Long Giang	Xã Phước Tín
2	Tổng số thành viên hợp tác xã	Người	3.325	3.335							
3	Tổng số lao động trong hợp tác xã	Người									
	<i>Trong đó: Số lao động là thành viên hợp tác xã</i>										
II	Tổ hợp tác										
1	Tổng số tổ hợp tác	Tổ hợp tác	8	10							
	Trong đó: Số tổ hợp tác đăng ký chứng thực	Tổ hợp tác									
2	Tổng số thành viên tổ hợp tác	Thành viên	40	46							

KẾ HOẠCH VĂN HÓA XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG NĂM 2023
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2022 của HĐND thị xã)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện 2022	Kế hoạch năm 2023
1	Dân số			
	- Dân số trung bình	Người	55.360	55.658
	- Tỷ lệ giới tính khi sinh (số bé trai so với 100 bé gái)	Trai/100 gái	104/100	104/100
	- Tuổi thọ trung bình	Tuổi	74	74
2	Lao động việc làm			
	- Tổng số lao động đang làm việc (được giải quyết việc làm mới trong năm)	Người	3.872	3.600
	- Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%	70,8	71
3	An sinh xã hội			
	- Số hộ nghèo đầu năm	Hộ	56	33
	- Số hộ thoát khỏi đói nghèo trong năm	Hộ	23	15
	- Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm	%	0,23	0,12
4	Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân			
	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	92	93
	Số người tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc	Người	3.424	3.557
	Số giường bệnh/ 1 vạn dân (không tính giường của trạm y tế)	Giường	45	45
	Số bác sỹ/1 vạn dân	Bác sỹ	9,5	9,7
	Tỷ lệ trạm y tế xã phường có bác sỹ làm việc	%	42,86	42,86
	Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chí quốc gia về y tế (theo chuẩn mới)	%	100	100
	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm chủng	%	100	100
	Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi (cân nặng theo tuổi)	%	4,3	4,2
	Số xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em	Xã, phường	7	7
	Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em	%	100	100
5	Giáo dục và đào tạo			
	- Số trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	13	16

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện 2022	Kế hoạch năm 2023
	- Tổng số học sinh đầu năm học	Học sinh		
	+ Mẫu giáo	Học sinh	2.952	3.020
	+ Tiểu học	Học sinh	7.258	7.392
	+ Trung học cơ sở	Học sinh	4.405	4.730
	+ Trung học phổ thông	Học sinh		
	- Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	76	76,5
	- Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi:	%		
	+ Tiểu học	%	94,79	94
	+ Trung học cơ sở	%	93	92,5
	+ Trung học phổ thông	%		
6	Khoa học và công nghệ			
	- Số đề tài khoa học công nghệ được ứng dụng	Đề tài	0	1
	- Tỷ lệ đề tài khoa học công nghệ được ứng dụng thành công	%	0	100
7	Văn hóa, thể dục thể thao			
7.1	Tỷ lệ khu dân cư văn hóa	%	93	95
7.2	Tỷ lệ hộ gia đình văn hóa	%	97,2	95
7.3	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	%	100	100
7.4	Hoạt động thể thao quần chúng	%		
	- Số người thường xuyên tập thể dục	%	19.000	19.500
7.5	Thể thao thành tích cao			
	- Đào tạo VĐV năng khiếu ban đầu	%	80	80
7.6	Đời sống văn hóa, nghệ thuật	CLB	17	17
8	Thu nhập bình quân đầu người	triệu đồng/ người	103,3	108
9	Tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến	%	40	50